

Số: 13 /PCT-TCKT

TP. HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2023

V/v: Công bố Báo cáo tài chính Năm
2022 và Giải trình chênh lệch LNST so với
cùng kỳ năm ngoái

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT)
2. Mã chứng khoán: PCT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ số 4, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, P.15, Q.11, Tp.HCM
4. Điện thoại: 028.62582330 Fax: 028.62582334
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà NGUYỄN DIỆU HOA
(Giấy ủy quyền CBTT số 17/UQ-PCT Ngày 25/05/2018)
6. Nội dung công bố thông tin:
 - * Báo cáo tài chính năm kiểm toán năm 2022 (đính kèm)
 - * Nội dung Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (trên 10%) như sau:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	
			(đ)	(%)
Doanh thu thuần	305.402.077.604	464.207.828.198	(158.805.750.594)	-34%
Lợi nhuận sau thuế	14.181.389.163	13.488.891.824	692.497.339	0.5%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự chênh lệch Doanh thu, Lợi nhuận:

Năm 2021, trong giai đoạn vừa nói lỏng các biện pháp phòng dịch và đại dịch vẫn chưa được chấm dứt. Tình hình nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn vì thế công ty đã nỗ lực đa dạng hóa ngành nghề nhằm đạt được lợi nhuận đã đề ra.

Năm 2022, Công ty kiên định thực hiện định hướng đặt ra là phát triển ngành nghề vận tải biển tại thị trường trong nước và quốc tế sau thời gian dài do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vì thế doanh thu có sự sụt giảm so với cùng kỳ nhưng vẫn duy trì mức lợi nhuận đảm bảo thực hiện được kế hoạch năm đã đề ra.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.pct.com.vn>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, HLH.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 31
8. Phụ lục	32 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 22 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (028) 6258 2330
- Fax : +84 (028) 6258 2334

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2021
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Bà Lê Thị Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Đặng Nguyên Đăng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2022
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Mai	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2022
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Lê Thị Mai – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Công bố của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Thị Mai
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0329/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Nguyễn Chí Dũng****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được uỷ quyền

Võ Thành Công**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.744.026.971	307.796.681.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.877.264.780	4.864.591.289
1. Tiền	111	V.1	12.877.264.780	4.864.591.289
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	44.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	44.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.374.800.257	238.438.922.528
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	137.354.943.258	258.086.503.079
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.386.053.030	13.567.000.210
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	46.201.546.667	1.353.161.937
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.733.673.907	20.341.441.401
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.733.673.907	20.341.441.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.758.288.027	151.726.681
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.494.357.153	151.726.681
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.263.830.874	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	100.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		342.218.861.537	5.056.639.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		340.597.987.823	5.042.639.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	340.468.787.823	4.822.239.194
- Nguyên giá	222		350.289.182.940	8.603.479.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.820.395.117)	(3.781.240.564)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	129.200.000	220.400.000
- Nguyên giá	228		746.000.000	746.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(616.800.000)	(525.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.620.873.714	14.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.523.794.262	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	97.079.452	14.000.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		551.962.888.508	312.853.321.093

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		236.940.543.424	10.263.475.990
I. Nợ ngắn hạn	310		52.744.614.862	8.044.975.996
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.177.875.443	837.029.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.495.360	78.449.119
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.175.862.877	906.324.086
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.750.000	1.536.468.877
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	485.397.259	70.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	140.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.854.267.317	2.212.276.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a, c	46.022.571.432	422.571.432
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13.395.174	1.841.855.640
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		184.195.928.562	2.218.499.994
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b, c	184.195.928.562	2.218.499.994
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		315.022.345.084	302.589.845.103
I. Vốn chủ sở hữu	410		315.022.345.084	302.589.845.103
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	275.998.960.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.998.960.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	839.178.790	839.178.790
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	1.918.499.046	1.918.499.046
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	36.265.707.248	69.832.167.267
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.084.318.085	69.832.167.267
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.181.389.163	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		551.962.888.508	312.853.321.093

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng


Lê Thị Mai
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	305.402.077.604	464.207.828.198
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		305.402.077.604	464.207.828.198
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	274.662.586.922	437.706.261.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.739.490.682	26.501.566.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.819.868.482	2.603.410.471
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.916.958.001	504.089.250
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.420.657.387	167.632.545
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.766.348.248	11.916.653.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.876.052.915	16.684.234.680
11. Thu nhập khác	31	VI.6	16.136.341	935.581.380
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.139.803	327.804.151
13. Lợi nhuận khác	40		10.996.538	607.777.229
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.887.049.453	17.292.011.909
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	3.788.739.742	3.644.155.884
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(83.079.452)	158.964.201
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.181.389.163	13.488.891.824
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	535	508
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	535	508

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng

Lê Thị Mai
Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.887.049.453	17.292.011.909
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	6.130.354.553	993.964.290
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	153.990.739
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(218.469.823)	332.005.919
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	(1.395.895.163)	(2.651.216.906)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.420.657.387	167.632.545
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.823.696.407	16.288.388.496
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.555.656.380	(11.486.429.443)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.607.767.494	2.556.116.190
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(91.102.113)	(13.698.159.189)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.866.424.734)	167.412.462
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(4.005.260.128)	(167.632.545)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.180.312.312)	(3.024.051.941)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.577.349.648)	(611.867.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.266.671.346	(9.976.223.938)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(341.685.703.182)	(4.390.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	600.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	44.000.000.000	8.083.397.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	2.045.441.737	2.826.470.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(295.640.261.445)	6.119.067.767

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18b	228.000.000.000	2.958.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(422.571.432)	(316.928.574)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		227.577.428.568	2.641.071.426
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.203.838.469	(1.216.084.745)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.864.591.289	6.082.111.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(191.164.978)	(1.435.066)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.877.264.780	4.864.591.289

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng


Lê Thị Mai
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường thủy, kinh doanh vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 41 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu

Chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu đã trả một lần cho thời gian lưu hành của tàu. Chi phí đăng kiểm, kiểm tra tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian lưu hành của tàu được cấp phép.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 5 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	202.570.817	407.251.143
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.674.693.963	4.457.340.146
Cộng	12.877.264.780	4.864.591.289

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	-	43.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.000.000.000
Cộng	-	44.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	-	151.334.638.545
Công ty TNHH Dầu khí Thanh Hóa	114.282.182.925	41.130.757.800
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	178.283.160	34.428.394.732
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	14.651.718.074
Các khách hàng khác	7.876.525.168	16.540.993.928
Cộng	137.354.943.258	258.086.503.079

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy Sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Công ty TNHH GAS VENUS	3.827.550.897	-
Các nhà cung cấp khác	177.473.633	185.971.710
Cộng	17.386.053.030	13.567.000.210

5. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Gas Venus - ký quỹ thuê tàu ⁽ⁱ⁾	45.200.000.000	-	-	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	649.546.574	-
Tạm ứng	581.855.667	-	117.587.440	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	390.950.000	-	373.950.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	28.741.000	9.056.000	212.077.923	9.056.000
Cộng	46.201.546.667	9.056.000	1.353.161.937	9.056.000

- ⁽ⁱ⁾ Ký quỹ theo Hợp đồng thuê tàu trần MT BASS số 1502/VM-TLG ngày 27 tháng 12 năm 2022 với thời gian thuê là 1 năm + 1 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Ngày 10 tháng 01 năm 2023 Công ty đã mua lại tàu thuê này theo Hợp đồng mua bán tàu số 0110/HĐMB/PTC-VN với giá mua là 418.528.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí và lệ phí).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ quá hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt – phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	3.621.148.541	-	Trên 3 năm	3.621.148.541	-
Lucky Ocean Shipping Company Limited - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	14.858.353.146	166.727.293	Trên 3 năm	14.651.718.074	166.727.293
Công ty TNHH Thủy sản HMP – trả trước tiền mua hàng	Trên 3 năm	13.381.028.500	-	Trên 3 năm	13.381.028.500	-
Các khoản phải thu khác hàng khác	Trên 3 năm	3.098.799.001	27.280.125	Trên 3 năm	3.098.799.001	27.280.125
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	9.056.000	-	Trên 3 năm	9.056.000	-
Cộng		34.761.750.116	194.007.418		34.761.750.116	194.007.418

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	34.567.742.698	37.319.387.084
Trích lập dự phòng bổ sung	-	153.990.739
Xử lý xóa sổ	-	(2.905.635.125)
Số cuối năm	34.567.742.698	34.567.742.698

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.455.213.916	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	140.323.428	-	140.323.428	-
Hàng hóa	138.136.563	-	138.136.563	-
Hàng gửi đi bán	-	-	20.062.981.410	-
Cộng	1.733.673.907	-	20.341.441.401	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	32.796.153	-
Chi phí bảo hiểm	1.320.727.666	11.726.681
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	140.833.333	140.000.000
Cộng	1.494.357.152	151.726.681

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí đăng kiểm, kiểm tra tàu	1.467.929.440	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	55.864.822	-
Cộng	1.523.794.262	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	366.363.636	7.849.990.908	387.125.214	8.603.479.758
Mua trong năm	-	341.574.685.000	111.018.182	341.685.703.182
Số cuối năm	366.363.636	349.424.675.908	498.143.396	350.289.182.940
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.363.636	1.370.663.636	306.770.669	2.043.797.941
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	366.363.636	3.068.482.151	346.394.777	3.781.240.564
Khấu hao trong năm	-	6.016.819.464	22.335.089	6.039.154.553
Số cuối năm	366.363.636	9.085.301.615	368.729.866	9.820.395.117
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	4.781.508.757	40.730.437	4.822.239.194
Số cuối năm	-	340.339.374.293	129.413.530	340.468.787.823
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Trong năm công ty đã mua một tàu biển mang tên Goby - số hiệu XVHZ7/9363833 từ Công ty TNHH Sellan Gas theo Hợp đồng mua bán tàu số 2710/2022/SE-PCT ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Giao dịch này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 số 03/NQ-PCT-ĐHCĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Tài sản cố định là phương tiện vận tải có giá trị còn lại theo sổ sách là 339.907.748.478 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem thuyết minh số V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	746.000.000
Số cuối năm	746.000.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	290.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	525.600.000
Khấu hao trong năm	91.200.000
Số cuối năm	616.800.000
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	220.400.000
Số cuối năm	129.200.000
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.000.000	172.964.201
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	83.079.452	(158.964.201)
Số cuối năm	97.079.452	14.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Du lịch Thương mại và Đầu tư Minh An	71.063.000	89.918.000
Công ty TNHH Gas Venus	-	394.788.351
Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam	773.900.568	-
Tổng công ty Bảo hiểm PVI	849.496.063	-
Korean Register Of Shipping	795.815.000	-
Các nhà cung cấp khác	687.600.812	352.323.549
Cộng	3.177.875.443	837.029.900

Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Daedong Shipping Co., Ltd.	-	67.953.759
Các khách hàng khác	10.495.360	10.495.360
Cộng	10.495.360	78.449.119

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	323.891.564	-	3.682.735.719	(4.006.727.283)	-	100.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	442.812.312	-	3.788.739.742	(3.180.312.312)	1.051.239.742	-
Thuế thu nhập cá nhân	139.620.210	-	327.943.915	(342.940.990)	124.623.135	-
Các loại thuế khác	-	-	24.606.649	(24.606.649)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	562.571.000	(562.571.000)	-	-
Cộng	906.324.086	-	8.386.597.025	(8.117.158.234)	1.175.862.877	100.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động vận tải quốc tế: 0%
- Hoạt động vận tải trong nước và thương mại: 10%
- Hoạt động tư vấn, thu chi hộ: 5%, 10%, 8%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.887.049.453	17.292.011.909
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.126.649.258	265.606.452
- Các khoản điều chỉnh giảm	(70.000.000)	(1.849.220)
Thu nhập chịu thuế	18.943.698.711	17.555.769.141
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.788.739.742	3.511.153.828
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	133.002.056
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.788.739.742	3.644.155.884

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả được trích theo Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Nghị quyết số 04/NQ-PCT-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 03/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 về việc phê duyệt định biên lao động và quỹ lương kế hoạch 2022 và số thực chi cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	415.397.259	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	70.000.000	70.000.000
Cộng	485.397.259	70.000.000

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	42.922.467	21.320.312
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	169.064.232	3.947.116
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	705.222.033	1.249.950.929
Cộng	1.854.267.317	2.212.276.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (xem thuyết minh số V.18b)	422.571.432	422.571.432
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sài Gòn Nam (xem thuyết minh số V.18b)	45.600.000.000	-
Cộng	46.022.571.432	422.571.432

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	422.571.432
Kết chuyển từ vay dài hạn	46.022.571.432
Số tiền vay đã trả	(422.571.432)
Số cuối năm	46.022.571.432

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.795.928.562	2.218.499.994
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	182.400.000.000	-
Cộng	184.195.928.562	2.218.499.994

(i) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 6,99%/năm (áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân), được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 23 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0093-2022-IIDTD1-BVB067 ngày 08 tháng 11 năm 2022 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 13,3%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2022. Số tiền vay được hoàn trả 3 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 02 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Goby - số hiệu XVHZ7/9363833 theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0053/2022-HĐTC1-BVB067 ngày 08 tháng 11 năm 2022 (xem thuyết minh số V.9)

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	46.022.571.432	422.571.432
Trên 1 năm đến 5 năm	184.090.285.728	1.690.285.728
Trên 5 năm	105.642.834	528.214.266
Cộng	230.218.499.994	2.641.071.426

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	2.218.499.994	-	(422.571.432)	1.795.928.562
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sài Gòn	-	228.000.000.000	(45.600.000.000)	182.400.000.000
Cộng	2.218.499.994	228.000.000.000	(46.022.571.432)	184.195.928.562

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	671.597.572	1.148.889.182	(1.816.419.448)	4.067.306
Quỹ phúc lợi	1.170.258.068	200.000.000	(1.360.930.200)	9.327.868
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	400.000.000	(400.000.000)	-
Cộng	1.841.855.640	1.748.889.182	(3.577.349.648)	13.395.174

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	58.256.381.792	291.014.059.628
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	13.488.891.824	13.488.891.824
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(1.913.106.349)	(1.913.106.349)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	69.832.167.267	302.589.845.103
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	69.832.167.267	302.589.845.103
Trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	45.998.960.000	-	-	(45.998.960.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	14.181.389.163	14.181.389.163
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	(1.748.889.182)	(1.748.889.182)
Số dư cuối năm nay	275.998.960.000	839.178.790	1.918.499.046	36.265.707.248	315.022.345.084

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đỗ Anh Việt	66.480.000.000	55.400.000.000
Bà Nguyễn Hồng Hiệp	66.291.600.000	50.696.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	44.276.400.000	36.897.000.000
Ông Trần Vọng Phúc	40.365.260.000	33.637.720.000
Các cổ đông khác	58.585.700.000	53.369.280.000
Cộng	275.998.960.000	230.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.599.896	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.599.896	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.599.896	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.599.896	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.599.896	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế 2021)	1.348.889.182
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	400.000.000
• Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức ⁽ⁱ⁾	45.998.960.000
Cộng	47.747.849.182

- (i) Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 11/NQ-PCT-HĐQT ngày 05 tháng 9 năm 2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10:2 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ có 1 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cứ 10 quyền sẽ nhận được 2 cổ phiếu mới phát hành thêm), ngày kết thúc đợt phát hành là ngày 28 tháng 10 năm 2022. Số cổ phiếu phát hành thực tế cho các cổ đông là 4.599.896 cổ phiếu. Ngày 22 tháng 12 năm 2022 Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 về việc tăng vốn điều lệ lên 275.998.960.000 VND. Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết bổ sung 4.599.896 cổ phiếu từ đợt phát hành này từ ngày 09 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định số 06/QĐ-SGDHN ngày 05 tháng 01 năm 2023.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.736.955.000	1.579.050.000
Cộng	1.736.955.000	1.579.050.000

21b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	165.642,35	2.156,42
Euro (EUR)	160,96	256,21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
Cộng	2.905.635.125	2.905.635.125

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	271.677.225.160	433.877.350.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.724.852.444	30.330.477.898
Cộng	305.402.077.604	464.207.828.198

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	257.361.857.895	413.289.525.099
Giá vốn cung cấp đã dịch vụ	17.300.729.027	24.416.736.391
Cộng	274.662.586.922	437.706.261.490

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.395.895.163	2.482.103.717
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	205.503.496	121.306.754
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	218.469.823	-
Cộng	1.819.868.482	2.603.410.471

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.420.657.387	167.632.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	496.300.614	4.450.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	332.005.919
Cộng	4.916.958.001	504.089.250

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.721.172.612	5.611.691.395
Chi phí vật liệu quản lý	219.336.654	176.793.320
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.722.801	155.273.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	801.003.269	682.931.796
Thuế, phí và lệ phí	65.571.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	153.990.739
Chi phí thuê văn phòng	1.579.050.000	1.435.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.005.670.269	2.768.492.166
Chi phí bằng tiền khác	286.821.643	928.980.140
Cộng	9.766.348.248	11.916.653.249

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	169.113.189
Tiền bồi thường	-	647.850.819
Các khoản thu nhập khác	16.136.341	118.617.372
Cộng	16.136.341	935.581.380

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt	930.000	327.803.794
Hoàn trả chiết khấu	4.209.803	357
Cộng	5.139.803	327.804.151

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.181.389.163	13.488.891.824
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(1.418.138.916)	(1.348.889.182)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(400.000.000)	(400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.363.250.247	11.740.002.642
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.126.025	23.126.025
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	535	508

- (ii) Tạm trích theo tỷ lệ 10% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 11/NQ-PCT-HĐQT ngày 05 tháng 9 năm 2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ phát hành là 20%. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 510 VND xuống còn 508 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.498.862.181	432.016.554
Chi phí nhân công	12.331.238.125	18.769.098.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.130.354.553	993.964.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.720.800.773	15.709.660.676
Chi phí khác	385.821.643	428.649.872
Cộng	27.067.077.275	36.333.389.640

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 08/11/2021)	-	30.800.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 08/11/2021)	465.438.400	139.825.454
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 25/6/2021)	-	11.636.364
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 01/09/2022)	16.000.000	24.000.000
Ông Đặng Nguyên Đăng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 28/10/2022)	19.523.810	24.000.000
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 08/11/2021)	24.000.000	3.533.333

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Võ Đình Anh Bảo	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 25/6/2021)	-	11.636.364
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 08/11/2021)	24.000.000	3.533.333
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 25/10/2022)	4.476.190	3.533.000
Bà Lê Thị Mai	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	8.000.000	-

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Bà Lê Thị Mai	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 01/09/2022)	12.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	6.000.000	-
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	12.000.000	12.000.000

Tiền lương thành viên Ban điều hành:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/09/2022)	314.741.016	928.251.082
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	99.974.737	-
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 28/07/2022)	185.945.590	-
Ông Lưu Quang Hoà	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/06/2021)	-	274.260.333
Ông Đặng Nguyên Đặng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/11/2021)	-	657.256.258
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	174.592.000	-
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/09/2022)	100.366.564	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 18/10/2021)	-	395.655.408
Bà Hoàng Lê Hương	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 01/06/2022)	137.803.120	102.486.863
Bà Lê Thanh Chi	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 01/06/2022)	148.866.071	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Đỗ Anh Việt	Cổ đông sở hữu 24,09% vốn góp
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Cổ đông sở hữu 24,02% vốn góp
Bà Trần Thị Thu Hà	Cổ đông sở hữu 16,04% vốn góp
Ông Trần Vọng Phúc	Cổ đông sở hữu 14,63% vốn góp
Công ty Cổ phần Hóa dầu Stavian Quảng Yên	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Thành viên quản lý chủ chốt là cổ đông lớn của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: kinh doanh mua, bán các mặt hàng LPG và xăng dầu.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải biển đường, vận tải ven biển, dịch vụ quản lý tàu, dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Lĩnh vực kinh doanh khác: cung cấp dịch vụ cho thuê xe và các dịch vụ khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vận tải biển chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam và ở các khu vực địa lý khác nhau như Trung Đông, Trung Quốc, Đông Nam Á thông qua các hợp đồng cho thuê định hạn và cho thuê chuyển... Các hoạt động vận tải quốc tế này có thể được thực hiện ở các khu vực địa lý khác nhau và không cố định, toàn bộ kết quả kinh doanh được ghi nhận tại Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Lê Thị Mai
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Dịch vụ vận tải		Thương mại	Dịch vụ quản lý tàu và tư vấn quản lý tàu	Hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.978.325.076		271.677.225.160	14.342.891.000	403.636.368	-	305.402.077.604
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-		-		-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.978.325.076		271.677.225.160	14.342.891.000	403.636.368	-	305.402.077.604
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.869.113.426		14.315.367.265	7.305.543.370	249.466.621	-	30.739.490.682
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(9.766.348.248)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							20.973.142.434
Doanh thu hoạt động tài chính							1.819.868.482
Chi phí tài chính							(4.916.958.001)
Thu nhập khác							16.136.341
Chi phí khác							(5.139.803)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(3.788.739.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							83.079.452
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							14.181.389.163
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	343.095.320.198		-	-	-	-	343.095.320.198
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.215.758.940		-	-	153.977.268	-	5.369.736.208
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-		-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm trước	Dịch vụ quản lý tàu và tư vấn quản lý tàu					Các khoản loại trừ	Cộng
	Dịch vụ vận tải	Thương mại	Hoạt động kinh doanh khác				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.913.191.166	433.877.350.300	-	417.286.732	-	-	464.207.828.198
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.913.191.166	433.877.350.300	-	417.286.732	-	-	464.207.828.198
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.807.487.269	20.587.825.201	-	106.254.238	-	-	26.501.566.708
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(11.916.653.249)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							14.584.913.459
Doanh thu hoạt động tài chính							2.603.410.471
Chi phí tài chính							(504.089.250)
Thu nhập khác							935.581.380
Chi phí khác							(327.804.151)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(3.644.155.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(158.964.201)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							13.488.891.824
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	126.118.176	-	-	311.032.494	-	-	437.150.670
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Dịch vụ quản lý tàu và tư vấn quản lý tàu				Hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
	Dịch vụ vận tải	Thương mại					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	386.413.157.652	118.247.870.385	1.428.687.827		410.606.086	-	506.500.321.950
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							45.462.566.558
Tổng tài sản							551.962.888.508
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	231.059.677.640	-	-	-	-	-	231.059.677.640
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							5.880.865.784
Tổng nợ phải trả							236.940.543.424
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	11.829.114.043	245.577.630.505	-	-	704.583.354	-	258.111.327.902
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						-	54.741.993.191
Tổng tài sản							312.853.321.093
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.466.408.394	-	-	-	-	-	1.466.408.394
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							8.797.067.596
Tổng nợ phải trả							10.263.475.990

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng


Lê Thị Mai
Giám đốc


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập

